

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F4
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F4

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: F4 INVESTMENT CORPORATION

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301227657

3. Ngày thành lập: 02/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô F4 khu Công nghiệp Thuận Thành 3, Xã Gia Đông, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0399901999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Trừ lắp đặt hệ thống máy móc công nghiệp)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm)	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động hợp báo)	8230
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
15.	Đào tạo sơ cấp	8531

16.	Đào tạo trung cấp	8532
17.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
19.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
20.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
21.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
22.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
23.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
24.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Trừ tư vấn pháp luật về bất động sản, tư vấn về tài chính bất động sản) - Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản	6820
25.	Quảng cáo (Trừ các loại nhà nước cấm)	7310
26.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
27.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
28.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
29.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
30.	Sản xuất sợi	1311
31.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
32.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
33.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
34.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
35.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
36.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
37.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
38.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410(Chính)
39.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
40.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú (Trừ các loại thú pháp luật cấm)	1511
41.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
42.	Sản xuất giày, dép	1520
43.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
48.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
49.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
50.	In ấn (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
51.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
52.	Sao chép bản ghi các loại	1820
53.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
54.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
55.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ cao su (Trừ luyện cán cao su tại trụ sở)	2219
57.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
58.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
59.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
60.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
61.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu)	2420
62.	Đúc sắt, thép	2431
63.	Đúc kim loại màu (Trừ các kim loại pháp luật cấm)	2432
64.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
65.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
66.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
67.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
68.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
69.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
70.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
71.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
72.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
73.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733

74.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
75.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
76.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
77.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
78.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
79.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
80.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
81.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
82.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
83.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
84.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
85.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
86.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4774
87.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
88.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
89.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
90.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
91.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
92.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
93.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ)	4933
94.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
95.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
96.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics	5229
98.	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính liên tỉnh	5310
99.	Chuyển phát	5320
100.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
101.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
102.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
103.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
104.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
105.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
106.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
107.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
108.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
109.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
110.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
111.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
112.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
113.	Tái chế phế liệu	3830
114.	Xây dựng nhà để ở	4101
115.	Xây dựng nhà không để ở	4102
116.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
117.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
118.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
119.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
120.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
121.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
122.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
123.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
124.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, tem, tiền kim khí các loại)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HỒNG HẠNH	Số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	1,000	0011730305 11	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	1,000		
2	NGUYỄN HẢI ANH KIẾT	Số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	1,000	0012040551 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	1,000		

3	NGUYỄN HẢI LĂNG	Số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	294.000	2.940.000.000	98,000	031075009704
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	294.000	2.940.000.000	98,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HẢI LĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/04/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031075009704

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 180 Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh